

Lý thuyết về xung đột tộc người, tôn giáo

Lê Hải Đăng¹

¹ Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: lehaidang74@gmail.com

Nhận ngày 31 tháng 5 năm 2019. Chấp nhận đăng ngày 4 tháng 8 năm 2019.

Tóm tắt: Xung đột tộc người, tôn giáo luôn diễn biến khó lường, nó không chỉ tác động trong một phạm vi nhất định, mà còn có nguy cơ bùng phát thành điểm nóng, thành các cuộc chiến trong khu vực, thậm chí lan rộng ra thế giới. Vì vậy, việc nghiên cứu, tìm hiểu các lý thuyết về xung đột tộc người, tôn giáo có ý nghĩa quan trọng trong việc hoạch định chính sách về công tác tộc người, tôn giáo, đặc biệt đối với một quốc gia đa tộc người, tôn giáo như Việt Nam trong phát triển kinh tế, ổn định xã hội và đảm bảo an ninh quốc phòng.

Từ khoá: Tộc người, tôn giáo, xung đột.

Phân loại ngành: Dân tộc học

Abstract: Ethnic and religious conflicts are always hardly predictable, not only impacting within a certain scope but also possibly bursting into complicated conflicts or regional wars, which can even spread to the world. Therefore, the studies of theories on such conflicts bear significant meaning in policy-making regarding ethnicities and religions, especially for a multi-ethnic and multi-religion country like Vietnam, in its process of economic development, for social stability and ensuring strong security and defence.

Keywords: Ethnicities, religion, conflict.

Subject classification: Ethnology

1. Đặt vấn đề

Xung đột tộc người, tôn giáo thường bắt nguồn từ sự khác biệt về lợi ích giữa các tộc người, tôn giáo và là vấn đề rất phức tạp, kéo dài, khó giải quyết do liên quan đến lịch sử, tộc người, đạo đức, truyền thống

tôn giáo... Những xung đột tộc người, tôn giáo đã tác động đến nhiều mặt, nhiều lĩnh vực của đời sống kinh tế, văn hoá, xã hội ở các quốc gia xảy ra xung đột, đồng thời có ảnh hưởng đến các phương diện khác nhau của quan hệ chính trị, kinh tế quốc tế. Xung đột tộc người, tôn giáo là vấn đề được các

học giả thuộc nhiều ngành, lĩnh vực quan tâm nghiên cứu. Bởi lẽ, sự tác động của vấn đề xung đột này bao phủ lên mọi khía cạnh của hệ thống xã hội không chỉ của quốc gia đó, mà còn cả khu vực và quốc tế. Bài viết này đề cập hướng tiếp cận nghiên cứu và trình bày một số lý thuyết cơ bản có ảnh hưởng sâu sắc đến sự hình thành những quan điểm hiện nay đang được sử dụng để nghiên cứu và kiến giải về vấn đề xung đột tộc người, tôn giáo.

2. Hướng tiếp cận nghiên cứu

Samuel Huntington đã trình bày những nghiên cứu về xung đột nói chung và các dạng xung đột tộc người, tôn giáo trong bài viết *Sự va chạm của các nền văn minh*. Theo ông, một thế kỷ rưỡi sau Hòa ước Westphalia cùng sự xuất hiện của hệ thống quốc tế hiện đại, các cuộc xung đột của thế giới phương Tây chủ yếu diễn ra giữa các đấng quân vương (các hoàng đế, các vị vua của chế độ quân chủ chuyên chế hay quân chủ lập hiến cố gắng mở rộng hệ thống nhà nước, quân đội, sức mạnh kinh tế theo tư tưởng trọng thương, và quan trọng nhất là mở rộng lãnh thổ cai trị). Tuy nhiên, trong quá trình hình thành các quốc gia, tộc người, và bắt đầu từ cuộc Cách mạng Pháp, xung đột chủ yếu là giữa các quốc gia chứ không phải các bậc quân vương [8]. Năm 1793, R. R. Palmer nhận xét: “Thời kỳ chiến tranh giữa các vị vua đã qua, thời kỳ chiến tranh giữa các tộc người đã bắt đầu” [8, tr.22-49]. Sau đó, từ kết quả của Cách mạng Nga và các phản ứng chống lại cuộc cách mạng này, xung đột giữa các quốc gia đã nhường đường cho sự xung đột giữa các hệ tư tưởng, đầu tiên là giữa chủ nghĩa cộng

sản, chủ nghĩa phát xít và chủ nghĩa dân chủ tự do, và sau đó là giữa chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa dân chủ tự do.

Tuy nhiên, nguồn gốc chính của xung đột trong thế giới mới không chỉ là hệ tư tưởng hay kinh tế. Thay vào đó, khác biệt văn hóa sẽ là yếu tố chính gây nên sự chia rẽ loài người và là nguồn gốc chính của xung đột. Bởi lẽ, các thôn làng, các vùng, các nhóm tộc người, các nhóm tôn giáo, tất cả đều có những nền văn hóa riêng biệt với các cấp độ đồng nhất văn hóa khác nhau. Huntington cho rằng, thế giới trở nên khác hẳn trong đầu thập kỷ 1990, nhưng không hẳn là hòa bình hơn trước. Thay đổi là tất yếu nhưng tiến bộ thì chưa hẳn. Sự va chạm về văn hóa mà Huntington nói tới là các cuộc xung đột tộc người, tôn giáo. Các cuộc xung đột này ngày càng gia tăng theo cấp số nhân và theo đó, những thiệt hại của nó cũng gia tăng. Xung đột tộc người, tôn giáo giờ đây không chỉ là vấn đề quốc gia mà còn trở thành vấn đề toàn cầu, bởi ở hầu hết các nước trên thế giới đều diễn ra và tiềm ẩn những xung đột tộc người, tôn giáo [8].

Một số nhà nghiên cứu khác nhấn mạnh, khi tìm hiểu một cách khách quan những xung đột tộc người, phải phân tích tất cả các mặt của các hiện tượng: chính trị, luật pháp, kinh tế, xã hội, văn hóa, lối sống, tập quán, tâm lý tộc người, tôn giáo, tín ngưỡng...

Tâm lý tộc người liên quan chặt chẽ với văn hóa, với quá khứ lịch sử và hệ thống giá trị của nhân dân. Một hệ thống chính trị ổn định sẽ được hình thành ở những nước đa tộc người, mà nhân dân ở đây có một nền văn hóa chính trị cùng một kiểu loại gần gũi. Trái lại, sự khác biệt về văn hóa là một trong những nguyên nhân chủ yếu gây ra những xung đột và những phong trào ly

khai của những tộc người thiểu số vốn có truyền thống văn hóa khác biệt với tộc người đa số thống trị. Trong những trường hợp như vậy, những xung đột giữa các tộc người có tính chất tiềm ẩn và công khai, nó sẽ kéo dài từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Xung đột giữa các tộc người trên cơ sở khác biệt văn hóa thường xảy ra do sự chuyển hóa ngôn ngữ một cách áp đặt, bắt buộc, hoặc do việc phá vỡ các yếu tố văn hóa và những chuẩn mực truyền thống trong lối sống, trong tôn giáo, tín ngưỡng. Tình trạng đó làm cho triển vọng liên kết tộc người bị phá vỡ và không tránh khỏi những phản ứng tự vệ (gây hấn, chạy trốn...).

Sự phá vỡ liên kết văn hóa sẽ dẫn đến phá vỡ cơ cấu tộc người, đe dọa chính bản thân sự tồn tại của tộc người. Trong một tộc người, cần đặc biệt chú ý tới tập đoàn lớp trên, có thể là những tù trưởng bộ lạc, thủ lĩnh quân sự, những già làng, thầy mo, trí thức, văn nghệ sĩ, quân nhân. Thông thường, sự bất bình và xa lánh của những tầng lớp trên ấy, theo thời gian, đó là tiền đề và điều kiện làm nảy sinh xung đột tộc người, và là một biến dạng của phong trào xã hội - tộc người. Chính những đại biểu của tầng lớp trên ấy sẽ hợp thành nòng cốt của những lãnh tụ của dư luận xã hội, hình thành và bảo vệ các lợi ích tộc người của cộng đồng. Mức độ và tính chất xung đột giữa các tập đoàn trong tộc người phụ thuộc một phần quan trọng vào cách giải quyết của tập đoàn thống trị, từ sự áp đặt có tính chất cực quyền đến sự đối thoại có tính chất xây dựng và tìm kiếm giải pháp chính trị tối ưu.

Những nhân tố kinh tế - xã hội tác động nhiều mặt xung quanh sự xung đột tộc người. Bởi vậy, khi phân tích những nguyên nhân về sự không đồng đều trong

phát triển, những khu vực riêng biệt của một quốc gia đa tộc người, đòi hỏi cách tiếp cận về kinh tế - địa lý (nghĩa là phát hiện những nguyên nhân khách quan của việc phân bố các lực lượng sản xuất phụ thuộc vào việc được các nguồn dự trữ tự nhiên bảo đảm, vào sự tiện lợi về giao thông, mật độ dân số, những điều kiện khí hậu, sự xác định địa vị của khu vực ấy trong cơ cấu của những liên hệ kinh tế).

Những cuộc xung đột giữa các tộc người là điển hình cho một thời kỳ, mà những đại biểu của nhiều tập đoàn người khác nhau tranh giành lấy những nguồn lợi, như: đất đai, thương nghiệp, kinh doanh, những chức vụ được bầu, cho đến việc kiểm soát đối với chính quyền nhà nước (cơ quan có quyền lực chính trị). Xung đột giữa các tộc người phản ánh sự cố gắng của những tầng lớp trên làm thay đổi sự phân tầng về tộc người đang tồn tại và đang được hình thành như là một trong những biến dạng của sự bất bình đẳng xã hội. Sự bất bình đẳng về xã hội, cũng là sự bất bình đẳng về chính trị, được thể hiện trong sự phân chia quyền lực chính trị có tính phân biệt đối xử. Hiến pháp của các nước đều công bố nguyên tắc bình đẳng của công dân trước pháp luật, trao cho họ quyền bình đẳng trong lĩnh vực chính trị, xã hội, kinh tế, mà không phụ thuộc vào tộc người, chủng tộc, nhưng trên thực tế ở nhiều nước lại không như vậy.

Thông thường, tỷ lệ đại biểu của các tộc người khác nhau trong hệ thống chính quyền không tương xứng và phù hợp với tỷ lệ của tộc người ấy trong toàn bộ cư dân. Những tộc người chiếm ưu thế về số lượng, ở tất cả những bậc thang quyền lực đều có số đại biểu chiếm đa số, còn phần lớn những tộc người còn lại thì chỉ là thiểu số. Có đủ cơ sở để nói về địa vị đặc quyền, đặc

lợi của một số tộc người này và sự phân biệt đối xử thực tế đối với những tộc người khác. Đó là một trong những nguyên nhân sâu xa dẫn đến xung đột tộc người.

Trong các quốc gia đa tộc người, một trường hợp hết sức điển hình là khi các tộc người nhỏ bé, thiểu số, ở xa cách chính quyền trung ương, và khi nỗi lo sợ về bạo lực của những tộc người thống trị ám ảnh thì sẽ sinh ra chủ nghĩa ly khai. Những tập đoàn đã gắn bó với các cơ cấu quốc gia đều ra sức củng cố địa vị của mình trong những thiết chế chính trị hiện hành, bên cạnh đó có những tập đoàn đòi trao quyền tự trị về lãnh thổ, những phần tử cực đoan và cấp tiến khác nhau lại mưu toan giành độc lập bằng cách đấu tranh vũ trang.

Có một đặc điểm là đôi khi nhóm người cầm đầu thuộc tộc người thiểu số cố gắng giành được chính quyền trong phạm vi lãnh thổ nhỏ bé của mình, đề cao quyền của nhân dân đối với đất đai của tổ tiên, sự độc đáo của văn hóa truyền thống và sự khác biệt của mình so với đa số thống trị. Chừng nào còn những yêu cầu như vậy của tộc người thiểu số, thì chừng đó tộc người thiểu số còn có sự khác biệt với tộc người đa số. Trong trường hợp đó, tộc người đa số nắm quyền thống trị quốc gia thường kết hợp, thậm chí đồng nhất quan niệm về tộc người của mình với tổ quốc và đất nước nói chung, phủ nhận chủ nghĩa phân lập địa phương, duy trì trên thực tế mọi sự bất bình đẳng với các tộc người thiểu số, với cư dân vùng ngoại vi, và ra sức độc quyền hóa quyền lực trong phạm vi cả nước. Việc đồng nhất những lợi ích của tộc người thống trị với những lợi ích quốc gia, sự đồng nhất để tiến tới sự liên kết về xã hội - chính trị với các tộc người thiểu số, thậm chí bằng cách đồng hóa cưỡng bức, dẫn tới

chỗ nhà nước thực hiện một chính sách tấn công đối với những tộc người thiểu số, trên thực tế trở thành kẻ chủ mưu cuộc xung đột giữa các tộc người, hoặc giữa các quốc gia dân tộc.

3. Các luận thuyết cơ bản

3.1. Thuyết xung đột

Trường phái lý thuyết này do C.Mác (1818-1883) và Ph.Ăngghen (1820-1895) khởi xướng. Thuyết này nhấn mạnh đến sự mâu thuẫn, xung đột và biến đổi xã hội. Luận điểm gốc của thuyết này là: sự khan hiếm nguồn lực, bất bình đẳng trong phân bổ nguồn lực, quyền lực và sự phân công lao động nên quan hệ giữa các cá nhân, nhóm xã hội luôn trong trạng thái mâu thuẫn, cạnh tranh, xung đột lẫn nhau. Theo C.Mác và Ph.Ăngghen, toàn bộ sự phát triển xã hội từ buổi đầu văn minh đến nay diễn ra trong sự mâu thuẫn thường xuyên và chính sự mâu thuẫn, đấu tranh là nguồn gốc, động lực của sự biến đổi, phát triển xã hội [2, tr.570].

Sau C.Mác và Ph.Ăngghen, các nhà tư tưởng cũng đưa ra những chiều kích khác nhau về mâu thuẫn, xung đột. Trong tác phẩm *Các chức năng của xung đột xã hội*, L. Coser đã phân tích, lý giải nguồn gốc, nguyên nhân phát sinh xung đột xã hội từ các trạng thái căng thẳng giữa các cá nhân. R. Dahrendorf đưa ra mô hình và sự cần thiết quản lý, giải tỏa xung đột xã hội. Ông cho rằng, mâu thuẫn, xung đột xã hội có chức năng tăng cường tính thích ứng của tổ chức xã hội, bảo đảm tính liên tục của xã hội. Xung đột xã hội có thể đem lại những sự thay đổi tiến bộ cho xã hội. Lý thuyết mâu thuẫn nhìn nhận xã hội - tôn giáo về cơ bản luôn có sự chia rẽ, mâu thuẫn và xung

đột giữa các cá nhân hoặc nhóm xã hội - tôn giáo khác nhau. Mâu thuẫn là một hiện tượng không thể tránh khỏi trong đời sống xã hội, là thuộc tính vốn có của quá trình phát triển. Nằm được quy luật, giải quyết, giải tỏa và quản lý xung đột xã hội - tôn giáo theo xu hướng phát triển khách quan thì mâu thuẫn, xung đột xã hội - tôn giáo không sinh ra những điểm nóng tôn giáo hoặc điểm nóng chính trị, xã hội - tôn giáo [1].

Tuy các nhà nghiên cứu chưa đưa ra khái niệm mâu thuẫn xã hội - tôn giáo, nhưng dựa vào lý thuyết mâu thuẫn, có thể khẳng định mâu thuẫn xã hội - tôn giáo là một dạng xung đột xã hội. Song, đây là một loại hình mâu thuẫn tổng hợp, phức tạp với những loại hình như: mâu thuẫn giữa tôn giáo với tôn giáo (đây là loại mâu thuẫn phức tạp nhất, bởi nó liên quan đến đức tin tôn giáo); mâu thuẫn giữa tôn giáo với các thể chế chính trị (thuộc loại mâu thuẫn ý thức hệ); mâu thuẫn trong nội bộ tôn giáo (mâu thuẫn lợi ích); mâu thuẫn giữa tôn giáo với văn hóa và mâu thuẫn giữa tôn giáo với xã hội (phong hóa, phong tục, đạo đức, lối sống). Hai loại hình sau thường xảy ra do truyền giáo dẫn đến việc chuyển đạo, đổi đạo [1]. Tiếp cận của nhà xã hội học Max Weber (1864-1920), người Đức về vấn đề xung đột tương phản với triết lý của C.Mác. Trong khi C.Mác tập trung vào cách thức, hành vi cá nhân được quy định bởi cấu trúc xã hội, M. Weber lại nhấn mạnh tầm quan trọng của hành động xã hội, tức là khả năng của cá nhân làm ảnh hưởng đến các mối quan hệ xã hội của họ.

3.2. *Thuyết phân tích văn hoá*

Đại diện tiêu biểu cho trường phái lý thuyết này là Max Weber. Phạm trù quan trọng nhất của xã hội học M. Weber là “hành

động xã hội”, được hiểu là những hành động mà ý nghĩa chủ quan của nó có tính đến hành động của người khác trong quá khứ, hiện tại và tương lai; ý nghĩa chủ quan đó định hướng hành động. Hành động xã hội dẫn đến biến đổi xã hội. Hành động xã hội của mỗi cá nhân, nhóm không chỉ bị chi phối bởi các điều kiện kinh tế, chính trị, môi trường... mang tính khách quan từ bên ngoài, mà còn chịu sự chi phối của các động cơ văn hóa mang tính chủ quan từ bên trong, như: tri thức, tình cảm, phong tục, tập quán, tôn giáo... Như vậy, khi áp dụng lý thuyết này cho việc nghiên cứu xung đột tộc người, tôn giáo tất yếu phải tìm hiểu các động cơ văn hóa từ bên trong của cá nhân hay nhóm để lý giải cho hành động đó. Ngược lại, căn cứ vào các kết quả của hành động xã hội người ta cũng có thể hiểu được các động cơ văn hóa đã chi phối chúng. Nói cách khác, phân tích văn hóa là để tìm ra cách thức mà các nền văn hóa chi phối hành vi của con người, trong đó có những hành vi tác động đến xã hội và tôn giáo [4]. Việc lý giải xã hội dựa trên tư tưởng đó của M. Weber được gọi là quan điểm phân tích văn hóa. Cần lưu ý rằng, trong mỗi xã hội có thể tồn tại nhiều nền văn hóa. Hơn nữa, bên cạnh nền văn hóa chung của quốc gia, dân tộc, trong mỗi xã hội đều có sự khác biệt về văn hóa của các vùng miền, các giai tầng và các nhóm xã hội khác nhau. Tổng hợp những đặc trưng riêng của mỗi vùng miền, giai tầng hay nhóm xã hội như thế được gọi là một tiểu vùng văn hóa.

Các đặc trưng và khác biệt về văn hóa có một vài yếu tố khó biến đổi, vì vậy việc thỏa hiệp hay giải quyết khó hơn so với các khác biệt về chính trị hay kinh tế. Ví dụ, ở Liên Xô trước đây, những người cộng sản có thể trở thành những người dân chủ,

người giàu có thể thành người nghèo và người nghèo có thể giàu lên, nhưng người Nga không thể trở thành người Estonia, cũng như người Azerbaijan không thể trở thành người Armenia. Trong các xung đột về giai cấp và tư tưởng, câu hỏi mấu chốt là “Bạn thuộc phe nào?” và người ta có thể và thực sự đã chọn phe và cả đối phe. Trong các cuộc xung đột giữa các nền văn minh, câu hỏi đặt ra là “Anh là ai?”. Đó là một bản sắc mặc định không thể thay đổi? Như ta đã biết, từ Bosnia, tới khu vực Capcador và tới Sudan, trả lời sai câu hỏi trên có thể khiến một viên đạn găm vào đầu người đáp. Hơn cả khía cạnh tộc người, tôn giáo phân định con người một cách rõ ràng và riêng biệt. Một người có thể mang hai dòng máu Pháp và Ả Rập và đồng thời là công dân của hai nước nhưng lại khó hơn nhiều để công dân này vừa là người Công giáo vừa là người Hồi giáo [8, tr.22-49].

Như vậy, mỗi một giai tầng hay một nhóm xã hội đều có một tiểu văn hóa của riêng mình. Chính sự đa dạng của các tiểu văn hóa giúp chúng ta hiểu và cắt nghĩa về sự khác biệt trong quá trình biến đổi của các tộc người và tôn giáo khác nhau. Quan điểm phân tích văn hóa không chỉ hướng chúng ta tới vai trò to lớn của văn hóa, mà còn cung cấp các khái niệm, như: khái niệm tiểu văn hóa, động cơ văn hóa... gợi ý các giả thuyết, để có thể đi sâu quan sát, mô tả, phân tích, lý giải sự vận động, biến đổi của tôn giáo, nhất là những cơ chế tác động tiềm ẩn của văn hóa đối với sự vận động, biến đổi đó.

3.3. *Thuyết tiếp biến văn hóa*

Thuyết tiếp biến văn hóa dùng để diễn giải quá trình thay đổi văn hóa diễn ra do sự tiếp

xúc của hai hệ thống văn hóa độc lập; sự tiếp xúc đó làm tăng đặc tính của nền văn hóa này trong nền văn hóa kia. Quá trình trên luôn bao hàm sự tương tác phức tạp với các tiến trình phát triển xã hội kèm theo [7]. Khi các nền văn hóa tiếp xúc với nhau, nền văn hóa trao tặng không thể đưa ra đầy đủ các yếu tố văn hóa của mình và hệ thống giá trị riêng của nền văn hóa tiếp nhận có thể đóng vai trò che chắn hoặc thay đổi những yếu tố nào đó. Tiếp biến văn hóa có thể có cấu trúc xã hội chặt chẽ làm xoay chuyển dòng chảy các yếu tố văn hóa giống như trong trường hợp xâm chiếm đất đai hoặc các tình huống xung đột chính trị - xã hội khác. Tiếp biến văn hóa gồm nhiều quá trình khác nhau, như truyền bá, thích nghi, phản ứng lại, với nhiều kiểu tái tổ chức văn hóa - xã hội sau quá trình tiếp xúc và sau cùng là “tan rã văn hóa”. Phạm vi điều chỉnh trong đó có giữ lại đặc điểm văn hóa chủ đạo (thuyết đa nguyên bền vững) hay đặc trưng hơn là nhóm tiếp xúc có ảnh hưởng lớn đồng hóa nhóm yếu hơn và có sự hợp nhất về văn hóa (mặc dù hiếm xảy ra), do đó hai nền văn hóa có thể trao đổi các yếu tố để tạo nên một nền văn hóa kế cận đặc biệt. Vì tiếp biến văn hóa bao hàm sự tương tác của hai hay nhiều nhóm văn hóa riêng biệt nên sự tương tác xã hội giữa các nhóm sẽ quyết định kết quả thu được. Ví dụ, áp lực xã hội đặc biệt đi kèm với sự xâm chiếm có thể chứng tỏ hiệu quả trong hành vi phá vỡ các cơ cấu là nền tảng cho nhóm bị chinh phục duy trì văn hóa của mình, và thường thường những cuộc xung đột tộc người, tôn giáo bắt đầu từ đây. Trong các trường hợp khác, mức độ đi kèm cao có thể bảo vệ một nền văn hóa yếu kém về chính trị mặc dù có vẻ như tồn tại vô số điều kỳ quặc. Hơn nữa, nếu vì bất cứ lý do

nào mà nhóm văn hóa này từ chối công nhận tiếp biến văn hóa của nền văn hóa kia thì việc rút ngắn khoảng cách văn hóa (tiếp biến văn hóa) có thể sẽ không xảy ra cùng với việc rút ngắn khoảng cách xã hội tương ứng [3, tr.42-44].

3.4. *Thuyết cấu trúc - chức năng*

Thuyết cấu trúc - chức năng gắn liền với tên tuổi của các nhà xã hội học nổi tiếng như A. Comte (1798-1857), H. Spencer (1820-1903), E. Durkheim (1858-1917), T. Parsons (1902-1979), R. Merton (1910-2003), P. Blau (1918-2002)... Họ coi xã hội như một sinh thể hữu cơ đặc biệt với hệ thống gồm các thành phần có những chức năng nhất định tạo thành cấu trúc ổn định. Lý thuyết cấu trúc - chức năng cho rằng: (1) Mọi hệ thống đều bao gồm các yếu tố có quan hệ chặt chẽ với nhau và mạng lưới các mối quan hệ đó tạo thành cấu trúc của hệ thống; (2) Mỗi yếu tố của hệ thống, đến lượt nó, đều có thể là một hệ thống con (tiểu hệ thống) và dưới tiểu hệ thống lại có thể có những hệ thống nhỏ hơn nữa; (3) Mọi hệ thống đều có quan hệ mật thiết với môi trường cảnh quan xung quanh chúng. Các tác giả của thuyết chức năng đều nhấn mạnh tính liên kết chặt chẽ của các bộ phận cấu thành nên một chỉnh thể mà từng bộ phận có chức năng nhất định, góp phần đảm bảo sự tồn tại của chỉnh thể đó với tư cách là một cấu trúc tương đối ổn định, bền vững. Sự biến đổi chức năng của các bộ phận sẽ kéo theo sự biến đổi cấu trúc của cả chỉnh thể xã hội. Thuyết cấu trúc - chức năng không chỉ lý giải và đưa ra cách giải quyết các chức năng tích cực mà cả các mặt tiêu cực của nó. Ngoài ra, nó còn tập trung vào sự cân bằng giữa các chức năng và phi chức năng cũng như nhấn mạnh vai trò của

trạng thái cân bằng động trong sự biến đổi cấu trúc xã hội.

Nghiên cứu xung đột tộc người, tôn giáo dưới cách tiếp cận của lý thuyết cấu trúc - chức năng sẽ thấy rõ tôn giáo là một tiểu hệ thống trong hệ thống xã hội, bao gồm các thành phần bên ngoài của tôn giáo, như: loại hình tôn giáo, hệ thống tôn giáo, các tôn giáo và thành phần bên trong của mỗi tôn giáo (thành phần xã hội, giai cấp, dân tộc) được tập hợp, liên kết với nhau dựa trên nền tảng niềm tin và thực hành niềm tin tôn giáo, được vận hành thông qua các thiết chế của nó. Giữa các yếu tố này cũng tạo thành một cấu trúc có quan hệ với môi trường xung quanh. Theo cách tiếp cận này, một mặt sẽ thấy được toàn bộ hệ thống tôn giáo, mặt khác, trong từng tôn giáo cụ thể sẽ thấy được các bộ phận, chi tiết, cũng như sự tương tác giữa chúng trong mỗi giai đoạn lịch sử cụ thể [1].

Theo quan điểm của C. Wright Mills, cấu trúc xã hội được tạo ra thông qua các cuộc xung đột giữa những người có lợi ích và nguồn lực khác nhau. Các cá nhân và các nguồn tài nguyên, lần lượt, đều bị chi phối bởi cấu trúc và do sự phân phối không công bằng về quyền lực và các nguồn lực trong xã hội. Các tầng lớp quyền lực của xã hội Mỹ đã nổi lên từ sự hợp nhất của các tầng lớp doanh nghiệp, Mills cho rằng, lợi ích của tầng lớp này trái ngược với những người khác. Ông đưa ra giả thuyết, các chính sách của tầng lớp quyền lực sẽ dẫn đến sự leo thang của cuộc xung đột, sản xuất vũ khí hủy diệt hàng loạt, và có thể là sự hủy diệt của loài người [6].

3.5. *Thuyết trung tâm - ngoại vi*

Các thuyết này được các nhà nghiên cứu Mỹ - Latinh xây dựng trong những năm

1960 và được I. Wallerstein và M. Hechter phát triển trong những năm 1970. Theo thuyết này, có sự mâu thuẫn giữa hạt nhân (trung tâm) thống trị và phát triển hơn với vùng ngoại vi lạc hậu, lệ thuộc vào trung tâm. M. Hechter còn gắn một cách chặt chẽ hơn những vấn đề phát triển kinh tế - xã hội không đồng đều với những khác biệt về tộc người. Việc đưa gộp vùng ngoại vi vào hệ thống kinh tế chung quốc gia không phải làm xích gần những tộc người tiếp xúc với nhau mà gây nên sự phân tầng về xã hội tộc người nhanh hơn, địa vị không bình đẳng giữa những người đại diện của hạt nhân, họ giữ vị trí của tầng lớp cao trên hình chóp xã hội - giai cấp (thương nghiệp, tài chính, kinh doanh), còn những cư dân địa phương hợp thành nguồn cơ bản về sức lao động kinh tế của vùng ngoại vi và phụ thuộc vào những nhu cầu của hạt nhân. Sự chi phối kinh tế được thực hiện bằng những biện pháp pháp luật, chính trị, quân sự. Sự không bình đẳng về tộc người sẽ thông qua hình thức phân biệt đối xử về ngôn ngữ, tôn giáo, văn hoá. Sự ý thức về địa vị lệ thuộc, không bình đẳng của mình sẽ kích thích những lãnh tụ của nhóm ngoại vi đấu tranh để đạt được sự phân chia lại quyền hạn và những nguồn dự trữ có lợi cho mình, nhờ vào sự giúp đỡ của tổ chức trên cơ sở cộng đồng tộc người. Đến lượt mình, nhóm thống trị lợi dụng những ưu thế ban đầu, ra sức cưỡng chế hoá và củng cố những hệ thống phân tầng đã hình thành, điều tiết việc phân phối những nguồn dự trữ và những vai trò xã hội, hạn chế những cá thể trong cộng đồng thiểu số vùng ngoại vi tiếp cận vào những vị trí cấp cao bằng cách củng cố về luật pháp hoặc thực tế không bình đẳng và phân biệt đối xử.

Do địa vị kinh tế xã hội và tính hạn chế

nguồn dự trữ, các nhóm ở vùng ngoại vi, thậm chí trong một xã hội dân chủ, đều có ảnh hưởng chính trị không lớn. Nếu những nhóm ấy chỉ là thiểu số về số lượng thì họ không thể gây được áp lực với chính phủ trung ương. Đối với những cá thể di động về mặt xã hội thì còn hai lối thoát: (1) Gia nhập tập đoàn thống trị, từ bỏ nguồn gốc tộc người của mình; (2) Giữ vai trò lãnh tụ tộc người hoặc để làm trung gian giữa các nhóm xã hội, hoặc để bảo vệ những lợi ích của nhóm mình cho đến khi giành được độc lập. Trong trường hợp thứ hai, những lãnh tụ của các nhóm vùng ngoại vi sẽ ra sức tăng cường sự đoàn kết tộc người, M. Hechter coi sự đoàn kết ấy như một trường hợp đặc biệt ảnh hưởng chung của sự động viên chính trị [5].

4. Kết luận

Xung đột tộc người, tôn giáo trên thực tế bao trùm phạm vi rất rộng, liên quan đến nhiều lĩnh vực khác nhau của cấu trúc hệ thống xã hội. Do đó, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, xung đột tộc người, tôn giáo cũng là biểu hiện của xung đột xã hội, xung đột chính trị hay xung đột kinh tế giữa các nhóm xã hội, mà mỗi nhóm đó được đặc trưng bởi những yếu tố khác biệt, như ngôn ngữ, tôn giáo, văn hoá... Tuy nhiên, lợi ích giai cấp, quyền lợi kinh tế, chính trị mới chính là động lực thúc đẩy xung đột. Một khi những đặc trưng tộc người được sử dụng để phân biệt các nhóm xung đột và nhất là những đặc trưng mang tính bản sắc, hay tính tự tôn tộc người có sức động viên mạnh mẽ như vẫn thường thấy, thì yếu tố tộc người đó quả thực đóng một vai trò quyết định đối với bản chất và động thái của xung đột.

Xung đột tộc người, tôn giáo xảy ra do nhiều nguyên nhân, đến nay các quốc gia chưa thể giải quyết dứt điểm trong thời gian ngắn, nên có thể dự báo các cuộc xung đột tộc người, tôn giáo vẫn sẽ tiếp diễn và còn có thể tiếp tục kéo dài, đồng thời ở đâu đó xung đột còn âm ỉ, ẩn giấu mỗi nguy cơ tiềm tàng, thậm chí khi gặp điều kiện nó lại bùng nổ và lan rộng. Nếu nghiên cứu các cuộc xung đột tộc người, tôn giáo dưới góc nhìn như là những hiện tượng bột phát ngẫu nhiên, rời rạc, đơn lẻ, trong bối cảnh quan hệ quốc tế ngày càng đan xen với nhau và phức hợp thì chưa thật toàn diện, đầy đủ và sâu sắc.

Hệ quả của xung đột tộc người, tôn giáo có chút khác biệt đối với các quốc gia và khu vực, tuy nhiên có một điểm chung là làm bất ổn nền chính trị, dẫn tới nhiều vấn đề xã hội phức tạp, làm suy yếu nền kinh tế, đời sống người dân khó khăn; quan hệ quốc tế căng thẳng do có sự tác động, can thiệp của các nước lớn càng làm tăng tính chất xung đột khó giải quyết. Bởi vậy, các quốc gia xảy ra xung đột thường chọn cho mình một hướng đi phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể, như linh hoạt trong việc ban hành chính sách phù hợp nhất đối với các nhóm tộc người và tôn giáo trong nước nhằm hạn chế xung đột, tạo sự đoàn kết, ổn định xã hội để thực hiện thành công chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Giải quyết xung đột tộc người, tôn giáo trên thế giới trở thành vấn đề quyết định cho nền hòa bình và an ninh thế giới và cần phải có sự chung tay góp sức của tất cả các quốc gia. Xung đột tộc người, tôn giáo chịu tác động của nhiều yếu tố, nên

không thể có một lý thuyết nào toàn năng để có thể hiểu rõ được đầy đủ bản chất xung đột tộc người, tôn giáo, để có thể phân tích và lý giải những nguyên nhân cũng như tác động, ảnh hưởng của nó đến toàn bộ hệ thống, cấu trúc xã hội. Chính vì vậy, cần hướng đến cách tiếp cận hệ thống khi nghiên cứu hiện tượng xã hội này, vận dụng nhiều lý thuyết khác nhau kết hợp với các cách tiếp cận của các chuyên ngành, như: nhân học, xã hội học, tâm lý học tộc người, chính trị học và các bộ môn khoa học xã hội và nhân văn khác.

Tài liệu tham khảo

- [1] Phạm Minh Anh (2018), “Lý thuyết xã hội học trong nghiên cứu tôn giáo”, Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 6.
- [2] C.Mác, Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, t.1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [3] Lê Hải Đăng (2013), *Nghi lễ gia đình của người Tày Mường ở Nghệ An*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [4] Max Weber (2010), *Nền đạo đức Tin lành và tinh thần chủ nghĩa tư bản*, Nxb Tri thức, Hà Nội.
- [5] Nguyễn Hữu Tiến (2001), *Vấn đề một số lý thuyết cơ sở nghiên cứu xung đột tộc người*, Thông tin chuyên đề, Viện Thông tin Khoa học xã hội.
- [6] C. Wright Mills (2000), *Power Elite*, Oxford University Press.
- [7] Redfield et al (1936), “Memorandum for the study of acculturation”, *American Anthropologist*, vol.38, issue 1.
- [8] Samuel P. Huntington (1993), “The Clash of Civilizations?” *Foreign Affairs*, No. 72 (Summer).

